

## 19. Các dạng so sánh của tính từ và phó từ

### 19.1 So sánh ngang bằng

Cấu trúc sử dụng là as .... as

S + V + as + {adj/ adv} + as + {noun/ pronoun}
--

My book is as interesting as yours.

His car runs as fast as a race car.

John sings as well as his sister.

Their house is as big as that one.

His job is not as difficult as mine.

They are as lucky as we.

Nếu là câu phủ định, *as* thứ nhất có thể thay bằng *so*.

He is not as tall as his father.

He is not so tall as his father.

Sau *as* phải là một đại từ nhân xưng chủ ngữ, không được là một đại từ tân ngữ.

Peter is as tall as I. (ĐÚNG)

Peter is as tall as **me**. (SAI)

Danh từ cũng có thể được dùng để so sánh, nhưng nên nhớ trước khi so sánh phải đảm bảo rằng danh từ đó phải có các tính từ tương đương.

adjectives	nouns
heavy, light	weight
wide, narrow	width
deep, shallow	depth
long, short	length
big, small	size

Khi so sánh bằng danh từ, sử dụng cấu trúc sau:

S + V + the same + (noun) + as + {noun/ pronoun}
--

My house is as high as his.

My house is the same height as his.

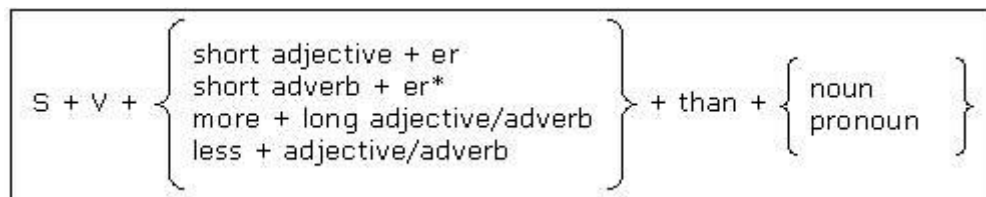
Chú ý rằng ngược nghĩa với the *same...as* là *different from...* Không bao giờ dùng *different than*. Sau đây là một số ví dụ khác về so sánh bằng danh từ.

These trees are the same as those.  
He speaks the same language as she.  
Her address is the same as Rita's.  
Their teacher is different from ours.  
She takes the same course as her husband.

## 19.2 So sánh hơn kém

Trong loại so sánh này người ta chia làm hai dạng: tính từ và phó từ ngắn (chỉ có một hoặc hai âm tiết khi phát âm) và tính từ, phó từ dài (3 âm tiết trở lên). Khi so sánh không ngang bằng:

- Đối với tính từ và phó từ ngắn chỉ cần cộng đuôi *-er*. (thick – thicker; cold-colder; quiet-quieter)
- Đối với tính từ ngắn có một phụ âm tận cùng (trừ w,x,z) và trước đó là một nguyên âm, phải gấp đôi phụ âm cuối. (big-bigger; red-redder; hot-hotter)
- Đối với tính từ, phó từ dài, thêm *more* hoặc *less* trước tính từ hoặc phó từ đó (more beautiful; more important; more believable).
- Đối với tính từ tận cùng là phụ âm+y, phải đổi y thành *-ier* (happy-happier; dry-drier; pretty-prettier).
- Đối với các tính từ có hậu tố *-ed, -ful, -ing, -ish, -ous* cũng biến đổi bằng cách thêm *more* cho dù chúng là tính từ dài hay ngắn (more useful, more boring, more cautious)
- Trường hợp đặc biệt: strong-stronger; friendly-friendlier than = more friendly than.
- Chú ý khi đã dùng *more* thì không dùng hậu tố *-er* và ngược lại. Các ví dụ sau là SAI: more prettier, more faster, more better



### Chú ý:

1. Chỉ một số phó từ là có đuôi *-er*, bao gồm: *faster, quicker, sooner, latter*.
2. Nhớ dùng dạng thức chủ ngữ của đại từ sau *than*, không được dùng dạng tân ngữ.  
Ví dụ về so sánh không ngang bằng:

John's grades are higher than his sister's.  
Today is hotter than yesterday.

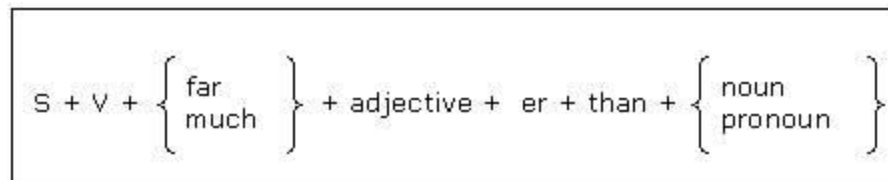
This chair is more comfortable than the other.

He speaks Spanish more fluently than I. (không dùng *than me*)

He visits his family less frequently than she does.

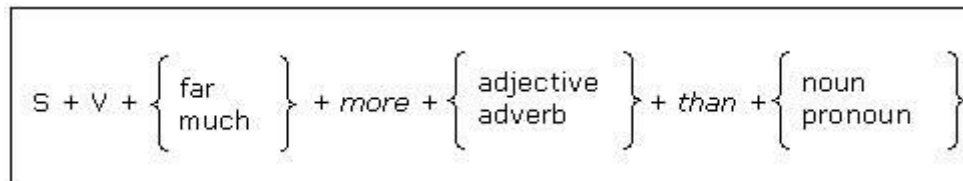
This year's exhibit is less impressive than last year's.

So sánh không ngang bằng có thể được nhấn mạnh bằng cách thêm *much* hoặc *far* trước cụm từ so sánh.



A waterlemon is much sweeter than a a lemon.

His car is far better than yours.



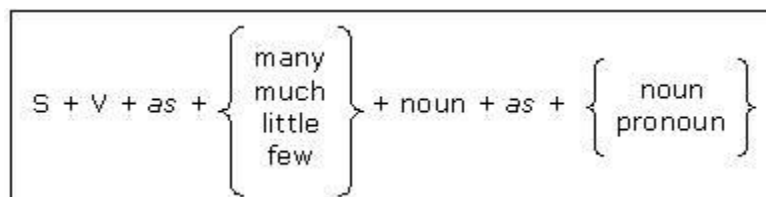
Henry's watch is far more expensive than mine.

That movie we saw last night was much more interesting than the one on TV.

She dances much more artistically than her predecessor.

He speaks English much more rapidly than he does Spanish.

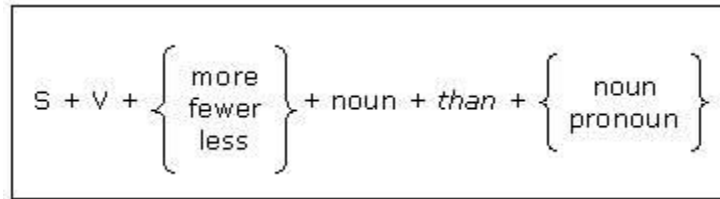
Danh từ cũng được dùng để diễn đạt phép so sánh ngang bằng hoặc hơn/kém. Chú ý dùng tính từ bổ nghĩa đúng với danh từ đếm được hoặc không đếm được.



He earns as much money as his brother.

They have as few classes as we.

Before payday, I have as little money as my brother.



I have more books than she.

February has fewer days than March.

Their job allows them less freedom than ours does.

Khi so sánh một người/ một vật với tất cả những người hoặc vật khác phải thêm *else* sau *anything/anybody...*

He is smarter than anybody else in the class.

### Lưu ý:

- Đằng sau *as* và *than* của các mệnh đề so sánh có thể loại bỏ chủ ngữ nếu nó trùng hợp với chủ ngữ thứ nhất, đặc biệt là khi động từ sau *than* và *as* ở dạng bị động. Lúc này *than* và *as* còn có thêm chức năng của một đại từ quan hệ thay thế.

Their marriage was as stormy as had been expected

(Incorrect: as it had been expected).

He worries more than was good for him.

(Incorrect: than it/what was good for him).

- Các tân ngữ cũng có thể bị loại bỏ sau các động từ ở mệnh đề sau THAN và AS:

Don't lose your passport, as I did last year.

(Incorrect: as I did it last year).

They sent more than I had ordered.

(Incorrect: than I had ordered it).

She gets her meat from the same butcher as I go to.

(Incorrect: as I go to him).

## 19.3 Phép so sánh không hợp lý

Khi dùng câu so sánh nên nhớ các đối tượng dùng để so sánh phải tương đương nhau: người với người, vật với vật. Các lỗi thường mắc phải khi sử dụng câu so sánh không hợp lý được chia làm 3 loại: sở hữu cách, *that of* và *those of*.

### 19.3.1 Sở hữu cách:

*Incorrect:* His drawings are as perfect as his instructor.

(Câu này so sánh các bức tranh với người chỉ dẫn)

*Correct:* His drawings are as perfect as his instructor's.

(instructor's = instructor's drawings)

### 19.3.2 Dùng thêm *that of* cho danh từ số ít:

*Incorrect:* The salary of a professor is higher than a secretary.

(Câu này so sánh salary với secretary)

*Correct:* The salary of a professor is higher than that of a secretary.

(that of = the salary of)

### 19.3.3 Dùng thêm *those of* cho các danh từ số nhiều:

*Incorrect:* The duties of a policeman are more dangerous than a teacher.

(Câu này so sánh duties với teacher)

*Correct:* The duties of a policeman are more dangerous than those of a teacher

(those of = the duties of)

## 19.4 Các tính từ và phó từ đặc biệt

Một số ít tính từ và phó từ có dạng thức so sánh đặc biệt. Chúng không theo các quy tắc nêu trên. Nghiên cứu bảng sau:

Tính từ hoặc trạng từ	So sánh hơn kém	So sánh nhất
far	farther further	farthest furthest
little few	less	least
much many	more	most
good well	better	best
bad badly	worse	worst

I feel much better today than I did last week.

He has less time now than he had before.

This magazine is better than that one.

He acts worse now than ever before.

**Lưu ý:** *farther* dùng cho khoảng cách; *further* dùng cho thông tin hoặc các trường hợp trừu tượng khác.

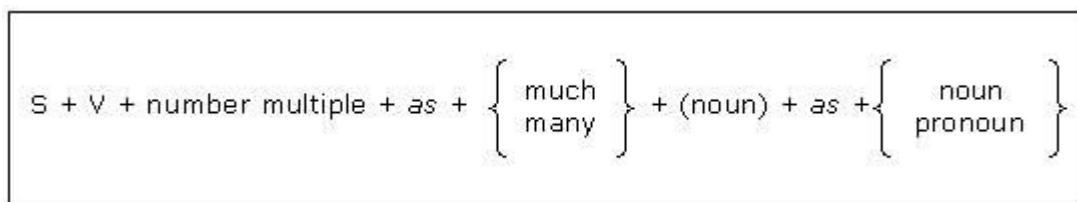
The distance from your house to school is farther than that of mine.

If you want further information, please call to the agent.

Next year he will come to the U.S for his further education.

## 19.5 So sánh bội số

So sánh bội số là so sánh: bằng nửa (half), gấp đôi (twice), gấp ba (three times),...



Không được sử dụng so sánh hơn kém mà sử dụng so sánh bằng, khi so sánh phải xác định danh từ là đếm được hay không đếm được, vì đằng trước chúng có *many/much*

This encyclopedia costs twice as much as the other one.

Jerome has half as many records now as I had last year.

At the clambake last week, Fred ate three times as many oysters as Bob.

Các lỗi nói: *twice that many/twice that much* = gấp đôi ngần ấy... chỉ được dùng trong khẩu ngữ, không được dùng trong văn viết.

We have expected 80 people at that rally, but twice that many showed up. (twice as many as that number).

## 19.6 So sánh kép

Là loại so sánh với cấu trúc: Càng... càng... Các Adj/Adv so sánh phải đứng ở đầu câu, trước chúng phải có *The*. Dùng một trong hai mẫu câu sau đây để so sánh kép:

$\text{The} + \text{comparative} + S + V + \text{the} + \text{comparative} + S + V$
---

The hotter it is, the more miserable I feel.

(Trời càng nóng, tôi càng thấy khó chịu)

The sooner you take your medicine, the better you will feel.

(Anh càng uống thuốc sớm bao nhiêu, anh càng cảm thấy dễ chịu bấy nhiêu)

The bigger they are, the faster they fall.

(Chúng càng to bao nhiêu thì càng rơi nhanh bấy nhiêu)

$\text{The more} + S + V + \text{the} + \text{comparative} + S + V$
---

The more you study, the smarter you will become.

(Càng học, anh càng thông minh hơn)

The more I look into your eyes, the more I love you.

(Càng nhìn vào mắt em, anh càng yêu em hơn)

Sau *The more* ở về thứ nhất có thể thêm *that* nhưng không mẫu câu này không phổ biến.

The more (that) you study, the smarter you will become.

Trong trường hợp nếu cả hai vế đều có chủ ngữ giả *it is* thì có thể bỏ chúng đi

The shorter (it is), the better (it is).

Hoặc nếu cả hai vế đều dùng *to be* thì bỏ đi

The closer to the Earth's pole (is), the greater the gravitational force (is).

Các cách nói: *all the better* (càng tốt hơn), *all the more* (càng... hơn), *not... any the more...* (chẳng... hơn... tí nào), *none the more...* (chẳng chút nào) dùng để nhấn mạnh cho các tính từ hoặc phó từ được đem ra so sánh. Nó chỉ được dùng với các *tính từ trừu tượng* và *dùng trong văn nói*:

Sunday mornings were nice. I enjoyed them all the more because Sue used to come round to breakfast.

He didn't seem to be any the worse for his experience.

He explained it all carefully, but I was still none the wiser.

Cấu trúc này không dùng cho các tính từ cụ thể:

Those pills have made him all the slimmer. (SAI)

## 19.7 Cấu trúc No sooner... than (Vừa mới ... thì đã...)

Chỉ dùng cho thời quá khứ và thời hiện tại, không dùng cho thời tương lai. *No sooner* đứng ở đầu một mệnh đề, theo sau nó là một trợ động từ đảo lên trước chủ ngữ để nhấn mạnh, *than* đứng ở đầu mệnh đề còn lại:

No sooner + auxiliary + S + V + than + S + V
--

No sooner had we started out for California than it started to rain.

Một ví dụ ở thời hiện tại (will được lấy sang dùng cho hiện tại)

No sooner *will* he arrive than he will want to leave.

**Lưu ý:** *No longer* có nghĩa là *not anymore*. Không dùng cấu trúc *not longer* cho các câu có ý nghĩa không còn ... nữa.

He no longer studies at the university.

(He does not study at the university anymore.)

S + no longer + Positive Verb
-------------------------------

## 19.8 So sánh hơn kém không dùng *than* (giữa 2 đối tượng)

Khi so sánh hơn kém giữa 2 người hoặc 2 vật mà không dùng *than*, muốn nói đối tượng nào đó là tốt hơn, giỏi hơn, đẹp hơn,... thì trước adj và adv so sánh phải có *the*. Chú ý phân biệt trường hợp này với trường hợp so sánh bậc nhất dưới đây (khi có 3 đối tượng trở lên). Trong câu thường có cụm từ *of the two + noun*, nó có thể đứng đầu hoặc cuối câu.

Harvey is the smarter of the two boys.

Of the two shirts, this one is the prettier.

Please give me the smaller of the two cakes.

Of the two books, this one is the more interesting.

## 19.9 So sánh bậc nhất (từ 3 đối tượng trở lên)

Dùng khi so sánh 3 người hoặc 3 vật trở lên, một trong số đó là ưu việt nhất so với các đối tượng còn lại về một mặt nào đó. Để biến tính từ và phó từ thành dạng so sánh bậc nhất, áp dụng quy tắc sau:

- Đối với tính từ và phó từ ngắn: thêm đuôi *-est*.
- Đối với tính từ và phó từ dài: dùng *most* hoặc *least*.
- Trước tính từ hoặc phó từ so sánh phải có *the*.
- Dùng giới từ *in* với danh từ số ít đếm được.
- Dùng giới từ *of* với danh từ số nhiều đếm được.

$$S + V + the + \left\{ \begin{array}{l} \text{adjective} + est \\ most + \text{adjective} \\ least + \text{adjective} \end{array} \right\} + \left\{ \begin{array}{l} in + \text{singular count noun} \\ of + \text{plural count noun} \end{array} \right\}$$

John is the tallest boy in the family.

Deana is the shortest of the three sisters.

These shoes are the least expensive of all.

Of the three shirts, this one is the prettiest.

Sau cụm từ *One of the + so sánh bậc nhất + noun* phải đảm bảo chắc chắn rằng *noun* phải là số nhiều, và động từ phải chia ở số ít.

One of the greatest tennis players in the world is Johnson.

Kuwait is one of the biggest oil producers in the world.

Các phó từ thường không có các hậu tố *-er* hoặc *-est*. Chúng được chuyển sang dạng so sánh tương đối bằng cách thêm *more* hoặc *less*; sang dạng so sánh tuyệt đối bằng cách thêm *most* hoặc *least* phía trước chúng.



Sal drove more cautiously than Bob.

Joe dances more gracefully than his partner.

That child behaves most carelessly of all.

Một số các tính từ hoặc phó từ mang tính tuyệt đối thì không được dùng so sánh bậc nhất, hạn chế dùng so sánh hơn kém, nếu buộc phải dùng thì bỏ more, chúng gồm: *unique/ extreme/ perfect/ supreme/ top/ absolute/prime/ primary*

His drawings are perfect than mine.